

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985; thường trú: Số 170/34/8 V, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1981; thường trú: Số 170/34/8 V, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hiện nay đang chấp hành án phạt tù giam tại: Đội 9, Phân trại 05, Trại tạm giam G, xã A, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Minh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2006, ngày 12/11/2006. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Bà Th xác định những năm đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng sau

thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, khó để tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn khi kết hôn với ông H. Tuy nhiên, vào tháng 6 năm 2018 ông H bị bắt giam thời điểm này bà Th có ý định suy nghĩ lại vì ông H bị án phạt tù và cũng vì con cái nhưng từ lúc ông H bị bắt giam đến nay đã hơn 03 năm nhưng mâu thuẫn giữa bà Th và ông H quá sâu sắc không thể dung hòa hay hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm gì với nhau mà chỉ bị ràng buộc về mặt pháp lý nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông Trần Minh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 08/9/2007. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được tài sản là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 170/34/8 đường V, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4. Tài sản này hai vợ chồng tạo lập, sau khi ông H chấp hành xong án phạt tù thì hai vợ chồng sẽ thỏa thuận bán và chia đôi toàn bộ tài sản. Vì vậy, trong vụ án này bà Th xác định về tài sản chung thì vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2022, bị đơn ông Trần Minh H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H và bà Th tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì kết hôn vào ngày 12/11/2006. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hà Tr, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống bình thường nhưng cũng có những cãi vã nhỏ nhặt. Đến năm 2018, ông H bị bắt giam đến năm 2019 thì đi chấp hành án tại trại giam G nên vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều vấn đề không hợp, trước khi dịch bệnh thì bà Th vẫn đi lại thăm ông bình thường nhưng khoảng 01 năm nay thì bà Th đã yêu cầu ly hôn. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Nguyễn Nhật Linh, sinh ngày 08/9/2007. Hiện nay con đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn nguyện vọng con muốn ở với ai là quyền của con vì con cũng đã lớn.

- Về tài sản chung: Nhà đất và tài sản trong nhà tại số 170/34/8 đường Vũng Việt, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông H yêu cầu đất, nhà phải bán và chia đôi sau khi ông H ra tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào

các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Th và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2006, ngày 12/11/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Th xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, khó để tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Vào tháng 6/2018, ông H bị bắt giam thì bà Th có ý định suy nghĩ lại vì ông H bị án phạt tù và cũng vì con cái nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Ông H thừa nhận cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều vấn đề không hợp, trước khi dịch bệnh thì bà Th vẫn đi lại thăm ông bình thường nhưng khoảng 01 năm nay thì bà Th đã yêu cầu ly hôn. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông H đồng ý. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải Th yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà Th và ông H đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Th và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th và ông H đồng ý ly hôn nhưng đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Do đó, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Th và ông H xác định quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 08/9/2007.

Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại bản tự khai cung cấp cho Tòa án cháu L có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Ông H có ý kiến tôn trọng sự lựa chọn của con. Vì vậy, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông H yêu cầu đất và nhà phải bán và chia đôi sau khi ông H ra tù nhưng Tòa án không nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của ông. Bà Th có ý kiến sau khi ông H chấp hành xong án phạt tù thì hai vợ chồng sẽ thỏa thuận bán và chia đôi toàn bộ tài sản. Trong vụ án này bà Th xác định về tài sản chung thì vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, về tài sản chung thì ông H và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với ông Trần Minh H về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trần Minh H. (Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Th cấp ngày 12/11/2006).

- Về con chung: Ông Trần Minh H giao 01 (một) con chung tên Trần Nguyễn Nhật L, sinh ngày 08/9/2007 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Th và ông H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Th nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Minh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Minh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003213, ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp pháp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân